

ẢNH HƯỞNG CỦA TÍN NGƯỠNG BIỂN NAM TRUNG BỘ ĐỐI VỚI NAM BỘ

Nguyễn Thanh Lợi^(*)

1. Đặt vấn đề

Nam Bộ trong điều kiện lịch sử hình thành và phát triển, đã tiếp xúc với nhiều luồng văn hóa khác nhau, trong và ngoài nước, của nhiều tộc người với một quá trình dài hơn 300 năm. Đặc biệt, văn hóa Nam Trung Bộ là dòng văn hóa chủ đạo, chi phối đến sự hình thành, phát triển của nền văn hóa Nam Bộ. Tín ngưỡng dân gian, nhất là tín ngưỡng biển có những biểu hiện cho thấy sự giao thoa, ảnh hưởng qua lại giữa hai khu vực. Việc tìm ra những ảnh hưởng của những tín ngưỡng đó ở Nam Bộ rất khó khăn nhưng cần thiết để nhận diện đầy đủ bức tranh tín ngưỡng biển trong nền văn hóa biển Việt Nam.

2. Vài nét về vùng biển Nam Bộ

Bờ biển Nam Bộ dài 974 km với 9 tỉnh thành giáp biển (Bà Rịa Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang). Khu vực này có 3 huyện đảo: Côn Đảo (Bà Rịa Vũng Tàu), Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang) với 195 hòn đảo, diện tích 693km², chia làm 5 cụm đảo: Côn Đảo, Hòn Khoai, Kiên Hải, Kiên Lương-Hà Tiên, Phú Quốc. Riêng tỉnh Kiên Giang có 105 đảo, trong đó có 43 đảo có người ở và 5 quần đảo, lớn nhất là quần đảo Phú Quốc với diện tích 573km².¹

Cư dân ven biển Nam Bộ chủ yếu là người Việt, người Khmer và người Hoa. Người Việt tiếp thu nghề biển từ Nam Trung Bộ mang vào (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Người Khmer có một số nhỏ ở các xã ven biển thuộc huyện Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Bạc Liêu, Kiên Giang. Người Hoa Triều Châu, Quảng Đông cư ngụ ở các vùng ven biển Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Người Hoa Hải Nam có mặt ở các xã Bình An, Bình Trị (huyện Kiên Lương), xã Hàm Ninh (huyện Phú Quốc, Kiên Giang). Những cộng

^(*) Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh. Email: ntloitw3@gmail.com

¹ Phan Thị Yên Tuyết (2014), *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.20, 31, 38, 39.

đồng người Hoa này mang theo nghề câu kiều, đẩy song cầu... từ miền Nam Trung Quốc sang¹.

3. Ảnh hưởng tín ngưỡng biển Nam Trung Bộ

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chọn một số đối tượng thờ tự có mặt ở hai khu vực và khảo sát sự ảnh hưởng của nó, để chỉ ra sự chuyển động trong dòng chảy tín ngưỡng biển trên một số phương diện.

Có thể nói, khi khai phá Nam Bộ, cùng với sự hình thành các thiết chế kinh tế - xã hội, thì nhu cầu xây dựng đời sống tâm linh của các cư dân luôn được chú trọng, các thiết chế tín ngưỡng được hình thành, trong đó có thiết chế tín ngưỡng biển. Những ảnh hưởng từ tín ngưỡng biển của Nam Trung Bộ vào Nam Bộ có thể thấy từ đầu thế kỷ XIX kéo dài đến giữa thế kỷ XX, theo những đợt di tìm vùng đất mới và những đợt di dân về sau.

Trong lịch sử Nam tiến, người Việt đã tiếp thu những tín ngưỡng của các cư dân lớp trước: *”Trong tình hình tất yếu về phía Nam bắt đầu từ thế kỷ XI (1044) này, người Việt không do dự tiếp thu một vài tín ngưỡng của các cư dân này hòa trộn với các thần linh của họ. Trong số các vị thần linh này có vị thần cá voi”*².

Sơn Nam đã chỉ ra nguồn gốc của nhiều tập tục ở miền Trung được du nhập vào Nam Bộ: *”Tục thờ cá Ông, tục thờ bà Câu phổ biến ở nghề chài lưới ở Bình Định, Phú Yên cũng được đưa vào đất Đồng Nai”* (được hiểu là chỉ vùng đất Nam Bộ)³.

3.1 Thờ cá Ông

Có lẽ đây là tín ngưỡng có sự giao lưu, tiếp biến mạnh nhất giữa hai khu vực do sự phổ biến của nó suốt một dãy ven biển từ Thanh Hóa vào đến Kiên Giang. Dòng chảy của tín ngưỡng này về phương Nam cũng hòa vào quá trình Nam tiến của dân tộc. Những ảnh hưởng đó được biểu hiện qua truyền thuyết, đối tượng thờ tự, diễn xướng...

¹ Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Sđd, tr.56-57.

² Thái Văn Kiểm (1972), *Le culte de la balaine*, B.S.E.I, N^o2, Bản dịch của Đỗ Lai Thúy, tr.1-2.

³ Sơn Nam (1985), *Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.22.

Truyền thuyết về cá Ông

Trong sách *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Lê Quang Nghiêm viết: “Theo huyền thoại, xưa kia Đức Phật Quan Âm trong lần tuần du đại hải, Bồ tát ngâm ngùi đau xót cho số phận của người trần bị chết chìm ngoài biển khơi, nên xé chiếc áo cà sa làm muôn mảnh thả trên mặt biển làm phép biến thành cá Ông, lấy bộ xương voi ban cho để cá Ông có thân hình to lớn, lại ban phép (thâu đường) để lợi thật mau hầu làm tròn trách nhiệm cứu vớt người lâm nạn”¹.

Tương tự, trong bài viết *Tín ngưỡng và cổ tục tôn thờ thần linh biển cả tại Bình Thuận*, Lê Hữu Lễ dẫn truyền thuyết cho rằng “cá voi là tiền thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát”. Sự tích nhà Phật kể lại rằng: một hôm Phật Bà Quan Âm tuần du trên biển Nam Hải, thấy dân lành đói khổ, thường xuyên phải ra biển kiếm ăn trong điều kiện mưa gió bão bùng, tính mạng lúc bị đe dọa... Động lòng thương, Phật Bà đã xé vụn chiếc áo cà sa của mình, quăng xuống biển, biến thành vô vàn con cá voi. Cùng với bộ xương voi và “phép thâu đường” (phép rút ngắn đường đi) đã được Phật Bà ban cho, cá voi làm nhiệm vụ cứu người giữa bão tố. Sở dĩ có tên cá voi vì nó to lớn như voi. Cho nên ngư dân Bình Thuận mỗi lần gặp nạn trên biển đều nhớ đến 12 câu nguyện (*Thập nhị đại nguyện*) để cầu cứu Quan Âm giúp đỡ².



Tranh vẽ cá Ông (đình Thắng Tam, tp. Vũng Tàu) (ảnh Nguyễn Thanh Lợi)

¹ Lê Quang Nghiêm (1970), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn, tr.26.

² Lê Hữu Lễ (1970), “Tín ngưỡng và cổ tục tôn thờ thần linh biển cả tại Bình Thuận”, Văn hóa tập san, số 3, tr.86-87.

Toan Ánh khi ghi chép về lễ hội ở Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) đã ghi lại truyền thuyết thực ra không phải xuất phát từ địa phương:”Tục truyền rằng cá voi là tiền thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã có lần hóa thân để cứu khổ chúng sinh. Ngài đã hóa thân thành Ông Nam Hải đi tuần du biển Nam Hải” và “những người dân sống về biển cả đều cầu nguyện đến cá voi mỗi lần gặp nạn. Theo ngư dân ven bờ biển Bình Thuận, họ có 12 câu nguyện gọi là Thập Nhị đại nguyện. Tương truyền là của Đức Quan Thế Âm truyền cho họ để cầu lên kêu cứu với Nam Hải Đại Vương trước mọi tai nạn”¹.

Sự tích cá Ông ở làng Ông Thắng Tam (tp. Vũng Tàu) kể rằng: một hôm Phật Bà Quan Âm tuần du trên biển Đông, thấy dân lành đói khổ, thường xuyên phải ra biển kiếm ăn trong điều kiện mưa gió bão bùng, tính mạng lúc bị đe dọa... Động lòng thương, Phật Bà đã xé vụn chiếc áo cà sa của mình, quăng xuống biển, biến thành vô vàn con cá voi. Cùng với bộ xương voi và “phép thâm đường” (phép rút ngắn đường đi) đã được Phật Bà ban cho, cá voi làm nhiệm vụ cứu người giữa bão tố. Sở dĩ có tên cá voi vì nó to lớn như voi.

Câu chuyện này phổ biến ở Vũng Tàu theo khảo sát thực tế của chúng tôi, tức khu vực giáp ranh với Bình Thuận. Còn các tỉnh khác của Nam Trung Bộ như Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam lại không thấy. Và trong các nghiên cứu về cá Ông của các tác giả sau Toan Ánh (1969), Lê Quang Nghiêm, Lê Hữu Lễ (1970), cũng không thấy đề cập đến truyền thuyết này ở các địa phương, tức không xác định “địa chỉ” cụ thể. Có thể truyền thuyết dân gian phổ biến ở Vũng Tàu đã đi ra từ sách vở, mà chúng tôi đã dẫn qua 3 tác giả trên.

¹ Toan Ánh (1993), Quyển hạ, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.131-133. Sách này được in lần đầu ở Sài Gòn vào năm 1969, do Nam Chi tùng thư xuất bản, do đó có thể hai nhà nghiên cứu Lê Quang Nghiêm và Lê Hữu Lễ (1970) đã tham khảo từ đây, nhưng không thấy dẫn nguồn. Xem thêm Nguyễn Thanh Lợi (2008), “Tục thờ cá Ông ở ven biển Tây Nam Bộ”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9.

Một dạng truyền thuyết khác, là hệ quả của truyền thuyết liên quan đến cá Ông, giải thích nhiệm vụ cứu người được Quan Âm giao cho.

Ở thị trấn Cần Thạnh (huyện Cần Giờ, tp. Hồ Chí Minh) có truyền thuyết về ngày 16/8 âm lịch, xác cá Ông trôi dạt vào 3 nơi. Vì sao lãng nhiệm vụ, để cho một chiếc ghe chìm làm chết người trong một cơn bão, nên cá Ông bị Long Vương Thủy Tề trừng phạt, cho cá đao chém chết làm 3 khúc, xác tấp vào Thắng Tam (tp. Vũng Tàu), Phước Tỉnh (huyện Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu) và Cần Thạnh (huyện Cần Giờ), mỗi làng được thỉnh một bộ phận thi thể cá Ông về thờ. Làng Thắng Tam được phần đầu.

Điều này cũng phù hợp với những ghi chép trong tài liệu của người Pháp khi viết về làng Ông Thắng Tam ở Vũng Tàu: “*Cạnh đình Thắng Tam trên con đường đi ra mũi Ti ouan (bãi Sau) có lăng thờ cá voi, xây cất giản dị. Nơi đó đựng bộ xương đầu cá voi khổng lồ giạt vào bãi Ti ouan năm 1868. Một nhân vật huyền thoại của biển giả không hoàn thành nhiệm vụ để đắm một con thuyền chết 60 người và không cứu giúp họ. Để trị tội bất cẩn này, vua Thủy Tề chém làm 3 khúc, xác giạt vào bờ. Các làng Thắng Tam, Phước Tỉnh và Cần Giờ chia nhau xương xác cá Ông. Ngôi làng này được các ngư ông Việt Nam tới thăm và cúng viếng để cầu xin cho các thuyền đi biển giúp họ tránh được sóng gió*”¹.

Sơn Nam trong *Truyện xưa tích cũ* kể rằng: “Người dân chài ở vùng Côn Lôn cho rằng mỗi lần cá Voi đi đâu thì ở phía trước có cặp cá Đao rất lớn, kể đó là một cặp cá Mực rất to, nhưng là để kiếm mồi cho cá Voi. Cá Đao² phải dùng “guom” của mình để lùa các loài cá nhỏ vào cái miệng khổng lồ của chủ tướng, còn cá Mực thì phun chất mực đen trong nước biển khiến cho các loại cá nhỏ không thấy đường mà đi, phải chạy vào miệng chủ tướng. Khi miệng đã đầy cá, cá Ông bèn ngậm lại, ăn một cách ngon lành, lại còn xị nước lên cao thành vòi để cảm ơn những kẻ tùy tùng đã giúp cho mình ngon miệng. Còn ở một số vùng khác thì cho rằng cá Ông đi đâu, tiên đội thường có cá

¹ *Monographie de la province de Baria et la Cap Saint Jacques*, L.Ménard, Saigon, 1902, p.26.

² Loài cá lớn có mõ dài gần 2m, xương cứng và đẹp, hai bên là hàm răng bén nhọn, thường ở gần cá Ông, cùng với ông Sứa hợp thành tả hữu tướng quân theo phò ông Nam Hải.

Mực dẫn đường, lại phụn chất mực để đánh dấu cho chủ tướng biết đường mà đi, còn hai bên sườn thì có cá Đao đi hộ vệ”.

Đây là một ví dụ minh họa cho truyền thuyết Quan Âm giao nhiệm vụ cứu người cho cá Ông. Theo dân gian thì cá Ông được 1 cặp cá đao, 1 cặp mực, 1 cặp tôm hộ vệ. Nếu cá Ông gặp người bị nạn trên biển mà không cứu, thì sẽ bị cá đao xử tử. Nên hầu khắp các làng Ông ở Nam Trung Bộ (như huyện Cam Ranh, Khánh Hòa) và Nam Bộ đều có xương cá đao, trong đó làng Ông Thắng Tam (tp. Vũng Tàu) là nơi nhiều nhất. Có nơi thì vẽ trên vách tường hai bên chánh điện, như làng Ông Đèn Đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang). Trên thực tế, cá đao gần như không còn xuất hiện ở vùng biển Việt Nam, phải chăng vì quan niệm đó là “vật thiêng”, để thờ cúng trong làng Ông, nên dẫn đến sự cạn kiệt về nguồn của loài sinh vật này.

Ngoài truyền thuyết giải thích về nguồn gốc cá Ông liên quan đến Phật giáo, thì ở vùng biển từ Nam Trung Bộ cho đến Nam Bộ như Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh (Cần Giờ), Tiền Giang (Gò Công Đông), Bến Tre (Bình Đại, Ba Tri), Vũng Luông, Kiên Giang (Phú Quốc)... có những truyền thuyết liên quan đến Nguyễn Ánh thời bôn tẩu.

Ở Cù lao Chàm (tp. Hội An, Quảng Nam) có truyền thuyết về cá Ông liên quan đến Nguyễn Ánh: *“Lúc vua Gia Long trên đường trốn chạy quân Tây Sơn, khi đến Cù Lao Chàm thì bị quân Tây Sơn rượt sát chân. Trong lúc quẫn bách nhà vua chấp tay van vái Trời Phật. Ngay lập tức một con cá voi khổng lồ nổi lên. Cá vẫy mạnh, tạo ra những con sóng lớn đánh đắm đoàn tàu thuyền đuổi theo nhà vua”¹.*

Truyền thuyết ở làng Khoan Hậu (xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, Phú Yên) do ngư dân kể lại: Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh bại phải chạy ra Côn Lôn, sóng to gió lớn sắp lật thuyền. Giữa lúc cái chết đang cận kề, Nguyễn Ánh van vái trời đất, liền xuất hiện một con cá voi cặp vào mạn thuyền đưa vào bờ, nhờ vậy mà ông thoát chết.

¹ Nguyễn Xuân Hương (1997), *Tục thờ cúng cá Ông của ngư dân vùng biển Quảng Nam – Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, tr.17.

Tại xã An Hải (huyện Tuy An, Phú Yên) cũng có câu chuyện tương tự, tuy có khác về tình tiết. Ngư dân cho rằng, khi Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đuổi đến An Hải, ông được một ngư dân đưa lên thuyền chạy trốn. Trên đường ra khơi bị gió bão, thuyền sắp chìm nên Ngài khẩn vái, được một con cá voi ghé lưng vào mạn thuyền đưa ra Côn Lôn. Ngư dân vạn chài Long Thủy cũng có câu chuyện tương tự như An Hải¹.

Truyền thuyết ở Bình Thuận kể rằng, vua Gia Long trong một lần ngự thuyền rồng ở Huế, chẳng may thuyền gặp phong ba, trôi dạt vào đến tận Bình Thuận. Vua được cá Ông cứu thuyền đưa vào bờ, nhưng cá thì kiệt sức mà chết.

Ở địa bàn xa hơn, là Bắc Trung Bộ, dạng truyền thuyết này vẫn có sự lưu hành. Ngư dân ở làng Diêm Phố, xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc (Thanh Hóa) còn lưu truyền câu chuyện liên quan đến cá Ông. Khi Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn rượt đuổi, bỏ chạy ra khơi thì hết nước ngọt. Lúc đó ở gần đảo Nẹ, phía trong là làng Diêm Phố có một con cá Voi xám khổng lồ trôi lên áp sát mạn thuyền phun dòng nước ngọt đầy thuyền cho chúa Nguyễn. Sau đó trên đường đi, một lần nữa gặp bão lại được cá Ông vớt đưa thuyền cập bờ. Về sau khi lên ngôi, vua Gia Long nhớ ơn cứu mạng đã phong cá Voi là “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Tôn Thần*”, các vua đời sau đều ban mỹ tự cho thần².

Những câu chuyện này rất giống truyền thuyết cá Ông cứu Nguyễn Ánh khỏi sự truy đuổi của Tây Sơn ở Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang). Theo chúng tôi, đây là sự “đội ngược” ra từ Nam Bộ của truyền thuyết này. Vì địa bàn Nam Bộ chứng kiến sự giao tranh giữa chúa Nguyễn Ánh và Tây Sơn. Về sau, các sử quan nhà Nguyễn đã “thêu dệt” những câu chuyện về chân mạng đế vương của Nguyễn Ánh. Khi tại vị, Gia Long đã dùng thần quyền để củng cố vương quyền. Những câu chuyện thuộc motif

¹ Lê Thế Vịnh (2015), *Phong tục thờ cúng cá Ông*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.41. Nhiều con sông ở Phú Yên cũng có những truyền thuyết về bầy rái cá, bà Trang, 3 anh em họ Mai đã cứu Nguyễn Ánh trong những năm tháng đánh nhau với Tây Sơn (Lê Thế Vịnh (2015), *Phong tục thờ cúng cá Ông*, Sđd, tr.41-44). Trong đó, truyền thuyết rái cá cứu Nguyễn Ánh ở Phú Yên như một “bản sao” cũng về sự kiện này, nhưng diễn ra ở Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang).

² Hoàng Minh Tường (2015), *Tục thờ cá Ông ở làng Diêm Phố - Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.91.

“vật linh, điềm lạ”¹ này khá phổ biến ở Nam Bộ, mà tích truyện bầy rái cá xóa dấu chân để cứu quân Nguyễn Ánh khi bị quân Tây Sơn truy đuổi là một điển hình².

Đội tượng thờ tự

Sắc phong cá Ông ở đình Lý Nhơn (đình Nam Tiến, quận 4, tp. Hồ Chí Minh) là bằng chứng vật chất rõ nét cho thấy mối quan hệ trong việc dịch chuyển tín ngưỡng này từ miền Trung vào Nam Bộ. Đình vốn trước đây là miếu Thủy thần của đội Trường Đà, đội thủy quân giang cánh của nhà Nguyễn. Đội Trường Đà được lập từ thời chúa Nguyễn để chở hàng hóa, lương thực cho quân đội. Đến năm 1865, dưới triều Tự Đức, đoàn thuyền này vận chuyển cả hai miền Nam Bắc. Làng Lý Hòa và làng Cảnh Dương (Quảng Bình) được tuyển chọn thành lập một đoàn lấy tên là Dương Hòa với 50 chiếc³.

Hiện đình còn sắc phong *Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần*, mỹ tự *Từ Tế chi thần* cấp năm 1825, một trong những đạo sắc thần sớm nhất ở thành phố Hồ Chí Minh hiện còn lưu giữ và có lẽ là sắc duy nhất phong cho cá voi trên địa bàn thành phố còn bảo quản được⁴.

Bản văn tế cá Ông ở Phước Tỉnh (huyện Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu) vốn dĩ do những ngư dân ở vịnh Phú Long (xã Phở Khánh, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi) mang vào, do dân cư ở đây có nguồn gốc từ Quảng Ngãi. Trong bài văn tế đó có cả vị thần trong tín ngưỡng Chăm ở miền Trung là Thiên Y Chúa Ngọc⁵.

¹ Xem thêm Lê Thị Diệu Hà (2012), *Về nhóm truyện “vật linh, điềm lạ” trong truyện dân gian về chúa Nguyễn ở vùng Nam Bộ*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, tr.36-42.

² Xem thêm Nguyễn Thanh Lợi (2018), “Truyền thuyết về Ông Nam Hải”, Kiến thức ngày nay, số 1012, ngày 20/9/2018. Ở Tây Nam Bộ còn có thể thấy các sự tích liên quan đến cá Ông, cá heo (cũng được xem như cá Ông) như: “Sự tích cá heo”, “Sự tích bãi Ông Nam”, “Người đi tìm kinh Phật hay sự tích con cá trên cái mõ” (Lê Trung Hậu (2004), *Những truyện cổ Việt Nam mang màu sắc Phật giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội).

³ Văn Lợi, Nguyễn Tú (2001), *Địa chí văn hóa miền biển*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.108.

⁴ Nguyễn Thanh Lợi (2003), “Thờ cá voi ở thành phố Hồ Chí Minh”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6, tr.53-54.

⁵ Trần Hồng Liên (chủ biên) (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.105, 107.

Một số gia đình ở Phú Yên còn lập bàn thờ cá Ông ngay tại nhà. Họ làm lễ giỗ Ông cùng ngày với cộng đồng làm lễ Cầu ngư¹. Lãng Ông Bình Thắng gần đây ngư dân lập bàn thờ Ông Nam Hải ở nhà mình, thậm chí trên ghe, dù vẫn tham gia cúng ở lãng². Có thể đây là hiện tượng cá biệt, mang tính chất ngẫu nhiên của hai địa phương này, khó có thể nói đến ảnh hưởng của nhau. Nhưng theo chúng tôi, điều có cho thấy dấu ấn mạnh mẽ của tín ngưỡng này trong tâm thức của cộng đồng khi hướng đến đối tượng suy tôn và nó cũng gia tăng thêm sức mạnh về sự bảo trợ của thần linh trước những bất ổn của biển cả.

Hát bả trạo

Dù không phải là địa bàn phổ biến của hát bả trạo, nhưng một số địa phương ở Nam Bộ trong lễ cúng cá Ông vẫn duy trì loại hình diễn xướng dân gian này³. Nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường cho biết, từ nam đèo Hải Vân vào đến Bà Rịa Vũng Tàu, các bản chèo này đều giống nhau, dùng để diễn xướng trong các lễ đưa đám cá voi, mở đầu mùa cá theo một hình thức trình bày mang tính chất hát bội rõ rệt⁴.

Từ Bà Rịa Vũng Tàu trở về đến Kiên Giang chỉ có một số địa phương còn tổ chức hát bả trạo trong lễ cúng cá Ông: Phước Hải (huyện Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu), Long Hải [sử dụng bản chèo gốc của vịnh Thủy Tú (tp. Phan Thiết, Bình Thuận)], Phước Tỉnh (huyện Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu) cách đây hơn 30 năm còn có lệ hát bả trạo⁵; xã đảo Thạnh An (huyện Cần Giờ, tp. Hồ Chí Minh), xã Tân Ân (huyện Ngọc Hiển, Cà Mau), xã

¹ Lê Thế Vĩnh (2015), *Phong tục thờ cúng cá Ông*, Sdd, tr.108.

² Tư liệu điền dã, 2022.

³ *Hát bả trạo* còn có những tên gọi là *hò bả trạo*, *hò bá trạo*, *hò chèo cạn*, *hò rước Ông*, *hò tiễn Ngãi*, *hò đưa linh*, *chèo Cầu ngư*, *chèo bả trạo*, *hát bả chèo đưa Ông*, *múa bả trạo*, *hát múa bả trạo*... là hình thức diễn xướng dân gian khá phổ biến của cư dân miền biển từ Quảng Bình đến Bình Thuận, bắt nguồn từ tục thờ cá voi (cá Ông). (Nguyễn Thanh Lợi (2014), “Hát bả trạo của cư dân ven biển miền Trung”, Nhiều tác giả (2014), *Nghệ thuật âm nhạc phương Đông: bản sắc và giá trị*, Kỷ yếu hội thảo, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.279).

⁴ Tạ Chí Đại Trường (1989), *Thần, người và đất Việt*, Văn nghệ xuất bản, California, USA, tr.265.

⁵ Phan An, Nguyễn Thị Nhung (2002), “Một số tập tục kiêng kỵ và thờ cúng cá voi của ngư dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 39.

Trung Bình (huyện Long Phú, Sóc Trăng). Trong đó, hai địa điểm sau là do ngư dân miền Trung mang vào. Ở xã Tân Ân, trong dịp cúng cá Ông còn có sự hiện diện của một số ngư dân đến từ các tỉnh miền Trung, từ Quảng Nam đến Bình Thuận, đang đánh bắt trên ngư trường Cà Mau. Lễ hội cá Ông ở xóm Cồn (thị trấn Dương Đông, tp. Phú Quốc, Kiên Giang) trước đây thường có hát bả trạo, nhưng khoảng 30-40 năm trở lại đây đã thất truyền. Tuy nhiên, tại đây có hát bài chòi trong dịp cúng cá Ông lại do những ngư dân gốc Bình Định mang vào¹.

Lăng Ông Long Hải sử dụng bản chèo gốc của vạ Thủy Tú (Phan Thiết). Cúng lăng ở Phước Hải, Phước Tỉnh thường thỉnh đội chèo ở Dinh Cô và sử dụng bản chèo mới sau này.

3.2 Thờ Bà Tím

Các lăng Ông ở Khánh Hòa trên chánh điện có bài vị thường ghi “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Đại tướng quân*”. Trong các bản văn tế, ngoài “vị thần chủ” là Nam Hải, còn có cả các đối tượng khác trong hệ thống thần linh biển cũng được thỉnh nhắc đến như: Lý Ngư, Lý Lực, Hà Bá, Ông Sứa, Rái Cá, Ông Nược (cá heo), Bà Tím (rùa biển), Mộc Trụ thần xà (rắn biển), Bà Lạch, Ông Hèo, Cô Hồng (rắn biển). Đặc biệt, do đây là vùng đất chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sự giao lưu văn hóa Việt - Chăm, nên hầu hết các lăng ông đều có ban thờ Thiên Y Ana với niềm kính tín rất sâu sắc của cộng đồng ngư dân.

Vạ Thủy Tú (tp. Phan Thiết, Bình Thuận) thờ các vị thần là “*Nam Hải cự tộc Ngọc lân tôn thần*”, “*Thủy Long thánh phi nương nương tôn thần*” và “*Thái Hiệu tiên sư tôn thần*”. Phía sau chánh điện là nhà Tiền vãng thờ các bậc Tiền hiền, Hậu hiền, những người có công dựng làng, lập vạ. Trên địa bàn huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), bên cạnh các bài văn tế nói đến các vị thần linh như thầy Nại, công chúa Bàn Tranh, bà chúa Ngọc hay thần phò trợ cho nghề nghiệp như bà Tầm, trong dân gian hiện còn lưu giữ khá

¹ Nguyễn Bình Phương Thảo (2014), *Tín ngưỡng của cư dân các làng chài huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. Hồ Chí Minh, tr.47-48.

nhiều văn tế bằng chữ Hán như: *Nam Hải văn*, *Nam Hải bốn mạn ký văn*, *Thừa ân Nam Hải văn*, *Cáo cự thần Nam Hải nhập liệt tân vị văn...*¹.

Ngoài cá Ông, ngư dân Bình Thuận còn thờ các con vật ở biển vốn gần gũi với cá voi như trong tập thể các thủy thần như: Đệ bát Thánh phi nương nương tôn thần hay là Công chúa Thủy Tề (rùa biển, hay gọi là Bà Lớn, Bà Tám, Cá Bà); Ông Nược (cá heo), loài tương cận với cá Ông qua truyền thuyết *Thầy sai mất pho kinh*, Ông Sứa (sứa biển), Bà Mộc (Mộc Trụ thần xà, rắn biển, đền), Bà Đỏ (giống cá đuối), Bà Lạch (Bà Chằng Lạch, một loài rắn biển độc)... đều được chôn cất theo tục lệ cổ truyền ở các lăng dinh khi chết như cá Ông².

Các lăng cá Ông ở Bà Rịa Vũng Tàu cũng thờ các thủy thần tương tự như ở Bình Thuận, tuy có khác nhau về tên gọi. Lăng Ông Thắng Tam (tp. Vũng Tàu) có 3 bàn thờ, ở chánh điện thờ “Thần”, phía sau là 3 tủ kiếng lớn đựng cốt cá Ông Nam Hải, bên tả hữu có bàn thờ Bà Sáu (rùa biển) và Tổ nhạc. Ngư dân thường gọi rùa là “Bà Thủy Thánh”, cũng được chôn cất và thỉnh ngọc cốt vào lăng thờ phụng, vì tục truyền bá đã cứu vớt thuyền ngư dân khi lâm nạn giữa biển khơi. Miếu Bà Long Hải (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền) ngoài bàn thờ 5 bà Ngũ Hành, còn có mộ Bà Lớn (rùa biển) được xây cất đài hoàng, nằm cạnh khu mộ táng 14 cá Ông lớn nhỏ.



Bàn thờ Bà Tím ở lăng Ông Thắng Tam (tp. Vũng Tàu) (ảnh Nguyễn Thanh Lợi)

¹ Võ Thị Tân (2000), “Sưu tầm tư liệu Hán Nôm trên đảo Phú Quý”, Nguyễn Thế Nghĩa (chủ biên), *Những thành tựu nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.860.

² Lê Hữu Lễ (1970), “Tín ngưỡng và cổ tục tôn thờ thần linh biển cả tại Bình Thuận”, Bđd, tr.85-103.

3.3 Thờ Đại Càn

Đình Thắng Tam (tp. Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu) có 12 sắc phong cho các thần *Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần, Thiên Y Ana, Thủy Long thần nữ, Đại Càn quốc gia Nam Hải*,¹ chứng tỏ đây là một cơ sở tín ngưỡng chịu ảnh hưởng mạnh từ văn hóa biển với các vị thần có gốc từ miền Trung. Các đình trên huyện đảo Phú Quốc, Hà Tiên, Rạch Giá (Vĩnh Thanh Vân, Kiên Giang) đều có thờ *Đại Càn* và có sắc phong riêng mà nguồn gốc dân cư trên đảo cũng từ Trung Bộ.

Tứ vị thánh nương từ một vị phúc thần biển ở Nghệ An vào đến Nam Bộ đã trở thành vị thần bảo hộ dân chài lưới nơi đồng bằng, thể hiện rõ nét nhất ở khu vực Đồng Tháp Mười hoặc của vựa chài ở nơi nay đã đô thị hóa (tp. Hồ Chí Minh). Nó ngược với quá trình tiến ra biển của cư dân đánh cá sông ở Bình Định, để tiếp nhận thần *Po Riyak* đã được Việt hóa thành *Tứ vị thánh nương*.

Đình Nam Chơn (gốc làng Chơn Sáng², huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam), đình Sơn Trà, đình Phú Hòa Vạn (xóm Vạn Chài, phường Tân Định, quận 1, tp. Hồ Chí Minh), vốn là cư dân gốc từ một làng chài ven biển Đà Nẵng di cư vào Sài Gòn sau năm 1859. Vào đến đây, họ chỉ là một bộ phận nhỏ làm nghề đánh cá sông thuộc xóm Vạn Chài, sát mé sông Cầu Bông. Họ đã đem toàn bộ tín ngưỡng từ miền Trung vào với 5 sắc thần vào năm Tự Đức thứ V (1852). Năm vị thần đó là *Bắc quân Đô đốc Bùi Tá Hán* (công thần thời Nguyễn, gắn bó với vùng Thuận Quảng), *Cao Các Quảng độ Đại vương* (thần núi, tên gọi phổ biến là *Cao Sơn Đại vương*, tức thần *Tản Viên*), *Diễn Ngọc phi Thiên Y Ana* (thần Po Nagar của Chăm), *Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị thánh nương*, *Quan Thánh đế quân* (Quan Vân Trường). Vì có cùng nguồn gốc Quảng Nam, nên văn tế thần trong dịp cúng kỳ yên ở khu vực này (Tân An, Hòa Mỹ, Phú Hòa, Sơn Trà) đều

¹ Phạm Chí Thân, Nguyễn Cẩm Thúy (chủ nhiệm) (2000), *Di sản Hán Nôm trong các di tích lịch sử-văn hóa Bà Rịa-Vũng Tàu*, Đề tài khoa học của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tr.122-135.

² Sắc thần thôn Chơn Sáng (Quảng Nam) hiện được thờ ở đình Nam Chơn (quận 1, tp. Hồ Chí Minh).

giống nhau, hương án thờ thần ở các đình này đều có bài vị *Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương* hay *Đại Càn quốc gia Nam Hải tướng quân*¹.

Bình Đại Càn là một loại cô hồn biển, khá phổ biến ở Nam Bộ, liên quan đến truyền thuyết về Tứ vị Thánh nương ở cửa Cờn (Nghệ An)². Cờn thủy đạo trường sa cũng là một loại âm binh trên mặt biển. Trong ký ức của những người dân Nam Bộ về những ngày đầu khăn hoang từ miền Bắc, miền Trung vượt biển vào đây. Trên hành trình di cư bằng đường thủy, họ đã gặp không biết bao nhiêu phong ba bão tố, có người thiệt mạng giữa biển khơi. Hồn xác không còn và thân nhân lấy ngày ra đi làm giỗ và họ gọi những người ấy đã gia nhập vào đội thủy đạo trường sa. Nghi lễ rước vong hồn đường biển, đường sông là một dấu ấn khá đặc trưng trong tín ngưỡng ở đồng bằng sông Cửu Long.

3.4 Thờ Thiên Y A Na và Bà Cậu

Cư dân vùng sông nước ở Tây Nam Bộ rất tin thờ Bà Cậu, nhất là những người làm nghề chài lưới (họ gọi là *nghe Bà Cậu*), dịch vụ nghề cá, buôn bán đường sông.

Trong cuốn sách *Nghề Bà Cậu văn hóa đánh bắt ở An Giang*, Nguyễn Hữu Hiệp viết: "Mà Bà Cậu là ai? Thần tích như thế nào? Theo Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, **Bà Cậu** (trong mục từ "Bảy bà ba cậu") (NTL nhấn mạnh) là: "Bà chúa Tiên, bà chúa Ngọc, bà chúa Xứ, bà chúa Động, bà Cố Hỉ, bà Thủy, bà Hỏa; cậu Trày, cậu Quý đều là con bà chúa Ngọc, làm bạn với một vị thái tử Trung Quốc mà đẻ ra tất cả đều là thần quý hay họa phước; còn có cậu Lý, cậu Thông, nói theo văn kể có ba cậu. Về hai người sau không rõ sự tích". (Có nơi thờ năm bà hai cậu-tuy có khác về số lượng nhưng chủ thể vẫn là Bà và Cậu"³.

Theo truyền thuyết ở miếu Tắc Cậu: vào thế kỷ X, đời nhà Tống (Trung Quốc), một công tử vượt biển sang An Nam buôn bán lâm sản. Có hai vợ chồng lão nông làm

¹ Huỳnh Ngọc Trảng (1998), "Tín ngưỡng dân gian Gia Định-Sài Gòn", Trần Văn Giàu-Trần Bạch Đằng (chủ biên), *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Tập IV, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.72, 91.

² Xem Nguyễn Thanh Lợi (2010), "Tín ngưỡng thờ Đại Càn ở Nam Bộ", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11, tr.31-41.

³ Nguyễn Hữu Hiệp (2015), *Nghề Bà Cậu văn hóa đánh bắt ở An Giang*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.17.

nghề trồng dưa đã lớn tuổi nhưng chưa có con. Rẫy dưa của hai vợ chồng hay bị hái trộm, sau bắt được cô gái trộm trong lột da cừu hái dưa và nhận làm con nuôi. Ông lão đặt tên cho cô gái là Y-A-Na (nghĩa là Ngọc). Nghe tiếng đồn về cô gái hiền thảo, xinh đẹp, chàng công tử tìm đến cầu hôn. Ở đất người, họ có với nhau 3 đứa con trai. Nhớ nhà, nhân lúc chàng đi vắng, nàng dắt các con trở về quê cũ.

Bốn mẹ con bị bão dữ đắm thuyền đều chết trên biển. Xác Y-a-Na trôi vào vịnh Nha Trang (Khánh Hòa), Bà hiển linh được phong thần, dân lập miếu thờ, giỗ ngày 23/3 âm lịch. Cậu Cả trôi vào mũi Né (Phan Thiết), hiển linh được dân cất miếu thờ Cậu, phù trợ cho người đi biển. Xác cậu Hai và cậu Út trôi về biển phương Nam, người anh trôi đến đảo Phú Quốc, người em Út trôi vào vàm sông Cái Lớn. Người dân Phú Quốc lập dinh thờ Cậu. Cậu Ba réo gọi em về với mình. Cậu Út đi tìm anh nhưng mắc kẹt mảnh ván ở sông không đi được. Cậu Út đập đồng lên báo dân chúng phải đào tắt một con kinh từ sông Cái Lớn qua sông Cái Bé. Dân chúng đào kinh và lập miếu thờ Cậu tại đây, tôn làm thủy thần sông Cái Lớn.

Giữa tháng 3 âm lịch, biển từ Nha Trang đến tận mũi chính Nam có sóng to gió lớn, đó là ngày ba anh em Cậu kéo về giỗ mẹ. Vào giữa cuối tháng 7 âm lịch, biển phía Tây dậy sóng, là lúc cậu Út đi thăm anh. Vị thần này tuy tuổi còn nhỏ nhưng hay nghịch ngợm, nên tạo ra sóng xoáy, sóng ngầm ở khu vực này¹.

Có thể xem đây là một dị bản của truyền thuyết về Thiên Y Ana ở Am Chúa (Diên Khánh, Khánh Hòa) với những biến thể của nó, để giải thích sự hiện diện các miếu Cậu ở Nam Bộ như dinh Cậu (huyện Hàm Tân), dinh Cậu gần núi Ông (huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận). Huyện Côn Đảo (Bà Rịa Vũng Tàu) cũng có miếu Cậu gắn với truyền thuyết Bà Phi Yến, chính là *“sự đứt gãy của mạch tín ngưỡng dân gian, mà nguồn gốc vốn xuất phát từ tín ngưỡng thờ Thiên Y Ana, thờ cá Ông được thể hiện rõ nhất qua*

¹ Nguyễn Thị Diệp Mai (2011), *Sắc thái văn hóa sông nước vùng U Minh*, Nxb Dân trí, Hà Nội, tr.193-196.

tín ngưỡng thờ Bà Cậu trong 2 ngôi miếu và mộ do những xáo trộn của những lớp cư dân bởi những lần chuyển cư cưỡng bức trong lịch sử của hòn đảo này”¹.

Truyền thuyết Dinh Cậu (Phú Quốc, Kiên Giang) cho thấy ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Thiên Y Ana ở miền Trung cũng như mối quan hệ với các nữ thần ở Nam Bộ. Đền thờ ở mũi Ông Cọp gọi là Dinh Cậu nổi tiếng linh thiêng. Dân chúng trên đảo chịu sự cai quản của Thủy Long Thần Nữ, thường gọi là Bà Chúa Đảo hoặc Bà. Chồng Bà là Đông Hải tướng quân. Hai người có một người con, dân hạ bạc gọi là Ông Cậu, hay nổi giận bắt tử.

Tuy gọi là Dinh Cậu nhưng bài vị ở chánh điện lại ghi là *Chúa Ngọc Nương Nương*, biểu hiện sự xâm nhập mạnh mẽ của tín ngưỡng Thiên Y Ana vào vùng đất phía Nam qua hình thức mới là tín ngưỡng Bà Cậu. Bà Thủy Long vùng U Minh là một dị bản của bà Chúa Ngọc (Thiên Y Ana) dù trong miếu thờ bài vị ghi “Chúa Ngọc Nương Nương” nhưng người dân vẫn gọi đó là bà Thủy².



Bàn thờ Chúa Ngọc Nương Nương ở Dinh Cậu (tp. Phú Quốc, Kiên Giang)

(ảnh Nguyễn Thanh Lợi)

Sự tích về Bà Chúa Hòn ở xã Lại Sơn (huyện Kiên Hải, Kiên Giang) cho biết: một phụ nữ lên núi Hòn Ngang đón củi, để hai con trai mình dưới chân núi. Thần núi

¹ Nguyễn Thanh Lợi (2014), “Lễ hội Bà Phi Yến-từ truyền thuyết đến hiện thực”, Nhiều tác giả, *Lễ hội cộng đồng: truyền thống và biến đổi*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr.409-410.

² Nguyễn Diệp Mai (2011), *Sắc thái văn hóa sông nước vùng U Minh*, Sđd, tr.172, 177-178.

không đồng ý cho bà đồn củi nên nổi giông bão. Bà nguyện hiến thân mình sau khi đồn củi xong. Đến chiều, hai người con chờ mãi không thấy mẹ, bèn lên núi tìm, thấy mẹ bị cây ngã đè chết, liền khóc thét và chết theo mẹ¹. Có thể đây là dị bản về truyền thuyết của Thiên Y Ana đã được “địa phương hóa” cho phù hợp với điều kiện sinh thái nơi đây.

Ở Bà Rịa Vũng Tàu có miếu Bà Chúa Xứ ở Phước Tỉnh, miếu Bà Chúa Ngọc ở Hồ Tràm (đã bị chiến tranh tàn phá) của cộng đồng ngư dân ở các vùng biển này, cho thấy tín ngưỡng thờ Thiên Y Ana cũng đã có mặt nơi đây².

Trong lễ hội Dinh Cô ở Long Hải, ngoài đối tượng thờ tự chính là Long Hải Thần Nữ Bảo An Chính Trực Nương Nương (Lê Thị Hồng Thủy) còn có Chúa Động, Long Cung Thủy Mẫu Nương Nương, năm bà Ngũ Hành, cô Hồng, cô Các và hai vị công tử của nữ thần Chăm (Pô Inur Nagar) là Hiền Châu và Hiền Bửu (tức cậu Tài/Chài và cậu Quý)³.

3.5 Thờ Bà Cố Hỷ

Chúa Động Nương Nương (Bô Bô đại vương), một nữ thần Chăm, gốc ở Trung Bộ, bảo hộ cho nghề làm rừng, từ Bình Thuận theo đường biển đến Bà Rịa Vũng Tàu, cho nên các vùng ven biển như xã Lộc An (huyện Đất Đỏ), Bà Rịa, Cần Giò... đều có miếu thờ, ngày vía là 15/3 âm lịch. Chúa Động Nương Nương được thỉnh nhắc trong văn tế ở Dinh Cô (Long Hải)⁴.

Về Bà Cố Hỷ, Vương Hồng Sển viết: “tên một vị nữ thần vùng Bà Rịa, trước đây dân rất kiêng sợ, không dám gọi đến tên, nhưng từ ngày khoa học tiến bộ, đã lùi vào dĩ vãng”⁵. Miếu thờ Cố Hỷ Phu Nhân nằm ở núi Cố (Bà Rịa), thường gọi là dinh Cố.

¹ Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội-kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.389.

² Đinh Văn Hạnh, Phan An (2004), *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa-Vũng Tàu*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.179-180.

³ Huỳnh Ngọc Trảng (2000), “Lễ Biển thiêng ơi...”, Báo Tuổi trẻ chủ nhật, số 12, ngày 26/3, tr.10-11.

⁴ Xem thêm Nguyễn Thanh Lợi (2015), “Tín ngưỡng thờ Bà Cố Hỷ”, Tạp chí Phát triển kinh tế-xã hội Đà Nẵng, số 69, tr.48-54.

⁵ Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr.325.

Ở Trà Vinh, bà thường được biết với tên gọi bà *Cố Hỷ*, *Cố Hỷ Tiên Phi*, trong văn tế ghi là *Thượng Động Cố Hỷ Thánh Nương Nương*. Trong miếu bà Cố Hỷ ở Ba Động cốt tượng Thượng Động Cố Hỷ đặt bên trái gian thờ Chúa Xứ Nguyên Nhung, linh vị ghi “Thượng Động Cố Hỷ”, bao lam khắc chữ Thọ, dưới tiền bàn có câu tán “Hiển bách uy linh”.

Theo Sơn Nam thì tục thờ này đã ghi trong *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Bình Thuận), vùng biển Trà Vinh nay có địa danh Ba Động, chứng tỏ dân đi khẩn hoang đợt đầu đến vùng biển này là từ Bình Thuận vào và mang theo tập tục này.

Ở Trà Vinh, Bà Cố Hỷ Thượng Động Nương Nương phù hộ cho ngư dân đi chài lưới và đánh bắt ở vùng biển khơi. Ngôi miếu ở vùng biển ấp Ba Động (xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, Trà Vinh) được gọi là Lầu Bà Cố Hỷ, xây dựng từ rất lâu đời.

Lầu Bà Cố Hỷ thờ bà Triệu Thị Trinh. Truyền thuyết kể rằng: xưa kia có 2 sắc phong cho hai anh em bà Triệu (Triệu Thị Trinh và Triệu Quốc Đạt) bị trận bão lớn từ Bắc trôi dạt vào nơi đây, nhân dân đưa 2 lá sắc ra biển nhưng vẫn lại trôi tấp trở vào, nên người dân ở đây cử người ra Thanh Hóa và lấy kiệu đền thờ bà Triệu Thị Trinh về đây xây cất và thờ cúng.

Trong lầu Bà Cố Hỷ có các tượng cốt bà Cố Hỷ, bà Chúa Xứ, bà Thủy, bà Hỏa. Miếu Bà Chúa Xứ ở thị trấn Cầu Ngang cũng phối thờ bà Cố Hỷ¹. Ở Trà Vinh có 10 vị trí miếu hoặc từng có miếu thờ bà Chúa Động, bà Cố Hỷ... chủ yếu là ở các xã ven biển².

Trên vùng biển huyện Kiên Hải (Kiên Giang), bà Chúa Thượng / bà Chúa Thượng Động được thờ trong hang động trên xã đảo Lại Sơn (hòn Sơn Rái),³ xã Hòn Tre có miếu

¹ Hoàng Tuấn, *Lầu Bà Cố Hỷ* <http://www.dulichtravinh.com.vn/index.php/du-lich/cac-diem-tham-quan/577-lau-ba-co-hy>, Báo Văn hóa Trà Vinh, <http://www.dulichtravinh.com.vn/index.php/du-lich/cac-diem-tham-quan/577-lau-ba-co-hy>.

²Trần Dũng, *Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội miếu ở Trà Vinh*, <http://vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=2072>.

³ Phan Thị Yên Tuyết (2014), *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Sđd, tr.400.

bà Chúa Thượng Động. Miếu bà Chúa Thượng còn được người dân nơi đây gọi là bà Chúa Hòn¹.

4. Kết luận

Trong quá trình dịch chuyển về phía Nam, vào những thời đoạn lịch sử khác nhau, cộng đồng người Việt ở Nam Trung Bộ đã mang theo trong mình những tín ngưỡng từ bản quán vào vùng đất mới là Nam Bộ, đó là dòng *tín ngưỡng chủ lưu*.

Với những điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, các dạng thức tín ngưỡng biển này đã có những biến đổi qua quá trình giao lưu, tiếp biến, với những kiểu thức, mức độ khác nhau, mà nhiều khi khó nhận diện yếu tố « gốc » ban đầu, như trường hợp thờ Thiên Y Ana, Bà Cậu, Bà Cô Hỷ với nhiều biến thể khác nhau.

Phản ánh một bức tranh phong phú, đa dạng trong tín ngưỡng biển ở Nam Bộ. Việc bóc tách các lớp tín ngưỡng biển ở khu vực này cho thấy quá trình hội tụ, dịch chuyển của dòng chảy tín ngưỡng biển từ miền Trung vào, cũng như sự tiếp thu, cải hóa nó của người dân nơi miền đất mới.

Sự biến đổi này, một mặt phản ánh một bức tranh phong phú, đa dạng trong tín ngưỡng biển ở Nam Bộ, đồng thời cũng là sự thách thức đối với giới nghiên cứu. Rất cần có những nghiên cứu chuyên sâu để nhận ra những đặc điểm của tín ngưỡng biển Nam Bộ dưới sự ảnh hưởng từ tín ngưỡng biển Nam Trung Bộ trong việc nhận thức về tín ngưỡng biển Việt Nam.

¹ Đảng bộ huyện Kiên Hải (2010), *Lịch sử huyện Kiên Hải*, tr.36.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa & nay*, Nxb Đồng Nai.
2. Tạ Chí Đại Trường (2000), *Thần, người và đất Việt* (bản mới, có sửa chữa), Tạp chí Văn học xb, California, USA.
3. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)*, Viện Văn hóa-Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Hồng Liên (chủ biên) (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đinh Văn Hạnh, Phan An (2004), *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa-Vũng Tàu*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
6. Nhiều tác giả (2008), *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
7. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam Đà Nẵng*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
8. Phan Thị Yên Tuyết (2014), *Đời sống xã hội-kinh tế-văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Tín ngưỡng thờ thủy thần ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên) (2022), *Biển đảo Việt Nam từ góc nhìn nhân học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Đỗ Thị Thanh Thủy (chủ biên) (2019), *Văn hóa biển đảo Việt Nam, Văn hóa ven biển vùng Nam Trung Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Phạm Lan Oanh (chủ biên) (2021), *Văn hóa dân gian biển đảo vùng Nam Bộ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

14. Lê Thị Thu Hiền (2021), *Tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.